| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 31/7/2018
*V/v "Tranh chấp ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

**– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông Phạm Văn Huynh.
2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.
*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST–HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102a/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim C, sinh năm 1992 (Có mặt).
HKTT: Đội 3, thôn T, xã Y, huyện Y, Nam Định.
Địa chỉ liên lạc: 170, tổ 20, khu phố 3, phường L, thành phố B, Đồng Nai.
2/ Bị đơn: Anh Liêng Y H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
HKTT: 14/88, ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Đội 1, phân trại I, Trại giam H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim C trình bày:***

– Chị và anh H xây dựng gia đình vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khoảng 01 năm. Đến năm 2015, anh H bị Tòa án xử phạt 12 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Hiện nay, anh H đang chấp hành án tại Đội 1, Phân trại 1, Trại giam H, tỉnh Bình Thuận. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn anh H.

– Về con chung: Không có.

– Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Liêng Y H hiện đang chấp hành án tại Đội 1, Phân trại 1, Trại giam H, tỉnh Bình Thuận. Anh H đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ để đến Tòa án làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia xét xử nhưng anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 07/6/2018, bị đơn anh Liêng Y H trình bày: Anh và chị C xây dựng gia đình vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2015, anh bị Tòa án xử phạt 12 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và hiện đang chấp hành án tại Đội 1, Phân trại 1, Trại giam H, tỉnh Bình Thuận. Chị C yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì thời gian chấp hành án còn lại của anh rất dài và thời gian vợ chồng chung sống không nhiều. Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Không có. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Anh Liêng Y H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

**[2] Về nội dung:**

Chị C, anh H kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn và bị đơn xác định do thời gian chung sống không nhiều, anh H bị Tòa án xử phạt 12 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và hiện anh H đang chấp hành án tại Đội 1, Phân trại 1, Trại giam H, tỉnh Bình Thuận. Chị C xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị được ly hôn, anh H đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung: Không có.

– Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:**

Chị C là người nộp đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị C được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị C đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 266, 271, 273; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Kim C, chị C được ly hôn anh Liêng Y H.

– Về con chung: Không có.

– Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Trịnh Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chị C được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002009 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của C cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị C đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Trịnh Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Liêng Y H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Long Thành;
- C cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Thùy Trang**